

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/02/2021.

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG- TỈNH THÁI BÌNH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tiến Hưng.
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vĩnh và Ông Nguyễn Hữu Hiền.
- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thuận Yến – Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Giang -Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXX-ST ngày 13/01/2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Chị Đinh Vũ H, sinh năm 1995.**

Nguyên quán: Khu 5B, thị trấn nông trường Liên Sơn, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn Th, Xã M, huyện Đông Hưng, Thái Bình.

*** Bị đơn: Anh Lê Xuân N, sinh năm 1981**

Nơi cư trú: Thôn Th, Xã M, huyện Đông Hưng, Thái Bình.

(Chị H có mặt tại phiên tòa – Anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2020 và các lời khai tại Tòa án, Nguyên đơn chị Đinh Vũ H trình bày:

Chị Đinh Vũ H và anh Lê Xuân N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đông Hưng, Thái Bình ngày 22/3/2018. Trước khi kết hôn với anh N, chị H đã kết hôn một lần và đã có một con chung (6 tuổi) nhưng đã ly hôn.

Sau khi kết hôn với anh N, vợ chồng chung sống đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: Cuối năm 2018 khi đó con của anh, chị mới có 29 ngày tuổi thì anh N chơi bời và đã vi phạm pháp luật hình sự phải đi tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” với mức án tù là 27 tháng. Trong thời gian anh N cải tạo tại trại giam thì chị H vẫn thăm nom anh N. Sau khi cải tạo xong anh N về nhà không chịu làm ăn, thường

xuân đi chơi không về nhà, anh N không quan tâm đến vợ và con. Vợ chồng chưa có nhà riêng nên phải đi thuê nhà để ở. Vợ chồng chung sống với nhau, anh N thường xuyên cãi nhau, gây gổ với chị H. Chị H và anh N đã li thân từ tháng 10/2020 đến nay. Tại phiên toà chị H xác định tình cảm vợ, chồng không còn chị xin được li hôn anh N.

+ Về con chung:

Chị H và anh N có một con chung là Lê Ngọc M, sinh ngày 27/9/2018 hiện nay cháu ở với chị H. Xin li hôn chị H xin được nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/ 1 tháng.

Về tài sản, công sức Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Bị đơn anh Lê Xuân N:

Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, ra giấy triệu tập, Thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo phiên hoà giải và các tài liệu do chị H cung cấp nhưng anh N đều vắng mặt tại Toà án không có lý do.

Toà án đã triệu tập anh N ra UBND xã Minh Phú để làm việc anh N cũng vắng mặt, không có lý do. Vì vậy không có lời khai của anh N.

Tại phiên toà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng có quan điểm:

Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và Nguyên đơn đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc anh N vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai: Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo phiên hoà giải nhưng anh N đều vắng mặt tại Toà án không có lý do. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Toà án xét xử vắng mặt anh N.

Về N dung:

Chị Đinh Vũ H và anh Lê Xuân N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Châu (Nay là xã Minh Phú), huyện Đông Hưng, Thái Bình ngày 22/3/2018 là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng:

Là do anh N chơi bời không chịu làm ăn và đã vi phạm pháp luật hình sự, bị phạt tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Sau khi cải tạo xong án phạt tù anh N về nhà không thay đổi tính nết. Do đó vợ chồng thường xuyên say ra cãi nhau, vợ chồng đã li thân từ tháng 10/2020 đến nay.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh N đã trầm trọng, H phúc hôn nhân không đạt được. Tại phiên toà chị H vẫn kiên quyết xin li hôn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H. Xử cho chị H được li hôn anh N.

Về con chung: Chị H và anh N có một con chung là Lê Ngọc M, sinh ngày 27/9/2018 hiện nay cháu ở với chị H. Xin li hôn chị H xin được nuôi con và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng.

Xét thấy cháu M chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị H nuôi là phù hợp, đồng thời buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I/ Về tố tụng

Về việc anh N vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai: Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo phiên hoà giải và các tài liệu do anh chị H cung cấp nhưng anh N đều vắng mặt tại Toà án không có lý do. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Toà án xét xử vắng mặt anh N.

II/ Về nội dung

[1] Về quan hệ hôn nhân

Chị Đinh Vũ H và anh Lê Xuân N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, khi cưới có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đông Hưng, Thái Bình ngày 22/3/2018 là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng:

Là do anh N chơi bời không chịu làm ăn và đã vi phạm pháp luật hình sự, bị phạt hình phạt tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Sau khi cải tạo xong án phạt tù anh N về nhà không thay đổi tính nết. Do đó vợ chồng thường xuyên say ra cãi nhau. Qua các lần triệu tập của Toà án anh N đều vắng mặt thể hiện anh N cũng không còn tình cảm với chị H.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh N đã trầm trọng, H phúc hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H. Xử cho chị H được li hôn anh N.

[2] Về con chung:

Chị H và anh N có một con chung là Lê Ngọc M, sinh ngày 27/9/2018 hiện nay cháu ở với chị H. Xin li hôn chị H xin được nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/ 1 tháng. Chị H làm môi giới cung cấp lao động cho các nhà hàng, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/ tháng. Anh N không có nghề nghiệp.

Xét thấy cháu M chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó cần giao cháu M cho chị H nuôi là phù hợp đồng thời buộc anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp

[3] Về quan hệ tài sản

Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000đồng. Anh N phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53 Khoản 1 Điều 56, Điều 81;82;83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35, Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Đinh Vũ H được li hôn anh Lê Văn N.

[2] Về quan hệ con chung:

Xử giao cho chị Đinh Vũ H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lê Ngọc M, sinh ngày 27/9/2018. Buộc anh Lê Văn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh N kể từ tháng 02 năm 2021 đến khi cháu Lê Ngọc M tròn 18 tuổi. Anh N có quyền đi lại chăm sóc con chung.

[3] Về quan hệ tài sản Không đặt ra giải quyết

[4] Về án phí:

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Đinh Vũ H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Lê Văn N phải chịu 300.000đ tiền cấp dưỡng nuôi con.

Chuyển số tiền 300.000đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí, biên lai thu số 0006469 ngày 20/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành khoản thi hành án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với chị H có mặt tại phiên toà; Đối với anh N vắng mặt tại phiên toà ~~tình~~ ngày ông đạt hợp lệ bản án

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Tiến Hưng

